

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Chí Dũng

2. Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1999; Địa chỉ ĐKKHKT: Thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn Th trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị G vào ngày 20/11/2017, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Q trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2020 thì anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong quá trình lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng có nhiều xa cách, chỉ thời gian đầu vợ chồng có trao đổi liên lạc được cùng nhau, sau đó chị G đã không còn muốn nói chuyện với anh Th. Năm 2021, chị G làm đơn xin ly hôn và gọi điện bảo anh Th về để giải quyết việc ly hôn, nhưng do công việc anh đã không về được. Tháng 02/2024, anh Th hết hạn lao động về nước, chị G tiếp tục yêu cầu ly hôn và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở N, L ở. Anh Th đã động viên, thuyết phục, nhưng chị G không quay về đoàn tụ cùng anh. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu

thuần giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị G.

Quá trình Tòa án giải quyết chị Nguyễn Thị G vắng mặt theo giấy triệu tập, Tòa án tiến hành làm việc cùng bà Nguyễn Thị Hằng (mẹ chị G) thì bà xác định: Chị Nguyễn Thị G kết hôn cùng anh Bùi Văn Th trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 20/11/2017. Sau ngày cưới, vợ chồng chị G ở chung cùng gia đình anh Th. Năm 2020, anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2021 chị G đề nghị giải quyết việc ly hôn, nhưng anh Th không về được. Hiện chị G đi làm ăn, địa chỉ cụ thể bà không nắm được, thỉnh thoảng chị G vẫn về và thường xuyên liên hệ với gia đình bà, nên việc anh Th xin ly hôn, chị G nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Th và chị G có một con chung là cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 07/7/2016. Hiện cháu đang ở cùng anh Th. Anh Th đề nghị được nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng. Gia đình chị G đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu A và không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Ngọc A có nguyện vọng xin được ở cùng anh Th.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương xã Q và xã Lê Ninh cung cấp: Anh Th và chị G kết hôn với nhau ngày 20 tháng 11 năm 2017 được đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn. Hiện chị G không còn chung sống cùng anh Th. Nay anh Th xin ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành tra cứu thông tin xuất nhập cảnh của chị G, thì Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định, không có thông tin cấp hộ chiếu cho trường hợp này.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Th giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị G vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 07/7/2016 cho anh Bùi Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th, không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Anh Bùi Văn Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Th đối với chị Nguyễn Thị G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Q, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án hòa giải và đưa vụ án ra xét xử chị Nguyễn Thị G không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị G là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Th kết hôn với chị Nguyễn Thị G trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh Th đề nghị xin ly hôn chị G, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ, trách nhiệm đối với nhau, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Năm 2021, chị G đã có ý kiến xin được ly hôn, kể từ đó đến nay quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị G hoàn toàn bị chấm dứt. Tại phiên tòa anh Th giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, chị G vắng mặt không có ý thức hòa giải quan hệ hôn nhân cùng anh Th. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Bùi Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị G là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Th và chị G có một con chung là cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 07/7/2016. Xét đề nghị nuôi dưỡng con chung của các bên phù hợp với thực tế nuôi dưỡng con chung hiện nay. Nên cần chấp nhận giao cháu Bùi Thị Ngọc A cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu A là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh Th phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Th.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị G.
2. Về con chung: Giao con chung cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 07/7/2016 cho anh Bùi Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Bùi Văn Th không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Anh Bùi Văn Th phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0002548 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Anh Th đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Q, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền